

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2025

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly
hôn, nuôi con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Huỳnh Ngọc Lý;

2. Ông Nguyễn Lê Bảo Trúc;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Lê Ngọc T, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 408/2025/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 25/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị Xuân H, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 9, ấp Thuận Tiến, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Anh Dương Ngọc Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 2, ấp Tân Trung, xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án chị Đào Thị Xuân H trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2014 chị và anh Đ quen biết nhau qua mai mối, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn số 27, quyền số 01/2014, tại Ủy ban nhân dân xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang ngày 01/4/2014. Sau khi kết hôn thì vợ chồng về bên nhà chồng sinh sống đến năm 2021 thì vợ chồng lên Bình

Phước làm ăn nhưng thất bại, sau đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nguyên nhân do anh Đ thường ghen tuông, dùng những lời lẽ xúc phạm chị nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc đến năm 2023 chị H có nộp đơn ly hôn tại Tòa án và chị đã cho anh Đ cơ hội để vợ chồng hàn gắn, nhưng đến nay vợ chồng vẫn mâu thuẫn, chị đã sống ly thân từ tháng 5/2024 đến nay. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu Đ ly hôn anh Đ.

Về con chung: Có hai con chung tên Dương Thị Bảo N, sinh năm 2016 và Dương Ngọc Bảo T, sinh năm 2011. Chị H yêu cầu Đ nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Ngày 14 tháng 01 năm 2015 chị H thay đổi ý kiến đồng ý giao cháu Dương Ngọc Bảo T cho anh Đ nuôi dưỡng vì cháu T đã về ở với anh Đ từ tháng 12/2024 đến nay và chị yêu cầu Đ nuôi dưỡng cháu Dương Thị Bảo N nên hai bên không cấp dưỡng qua lại. Hiện tại cháu T đang do anh Đ nuôi dưỡng còn chị đang nuôi cháu N.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án bị đơn Dương Ngọc Đ trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị H về điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian chung sống, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Nhưng riêng về mâu thuẫn thì anh chỉ nghe vợ nói là bên vợ không thích anh nên kêu vợ ly hôn, nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì tranh chấp giành quyền nuôi con.

Về con chung: Anh Đ không đồng ý giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng và anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Anh yêu cầu Đ nuôi hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân, nơi cư trú của anh Đ.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã Đ tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần hai, cả hai đều

thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã Đ Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nền cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Đào Thị Xuân H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Dương Ngọc Đ có địa chỉ hiện tại ấp Tân Trung, xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ. Nhưng tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét chị H có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với pháp luật còn anh Đ đây là lần vắng mặt thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị H và anh Đ đều thống nhất vào năm 2014 hai bên quen biết nhau qua mai mối và có đăng ký kết hôn số 27, quyển số 01/2014, tại Ủy ban nhân dân xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp ngày 01/4/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ ghen tuông, dùng lời lẽ xúc phạm nên trước đây chị H đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án huyện Tri Tôn và chị đã cho anh Đ cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng từ tháng 5/2024 đến nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Còn theo anh Đ cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do bên nhà vợ không thích anh nên kêu vợ ly hôn, nay anh không đồng ý ly hôn vì anh yêu cầu Đ nuôi hai con chung.

Qua biên bản xác minh tại địa phương cho biết: Anh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, hiện tại anh Đ đã đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng vẫn có về địa phương. Về mâu thuẫn hôn nhân thì địa phương không rõ do không nghe trình báo.

Xét thấy, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, trước đây vợ chồng có mâu thuẫn nên chị H có tạo cơ hội cho anh Đ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên giữa chị H và anh Đ đã có một khoảng thời gian đủ dài để cả hai cùng với nhau hàn gắn vợ chồng nhưng cả hai vợ chồng đến nay vẫn không thể có tiếng nói chung. Mặt khác anh Đ cho rằng lý do không đồng ý ly hôn là vì chị H giành quyền nuôi. Hội đồng xét xử, nhận thấy đây không Đ xem là lý do để xem xét không cho ly hôn.

Như vậy, xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Xét, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Chị H và anh Đ có hai con chung tên Dương Thị Bảo N, sinh năm 2016 và Dương Ngọc Bảo T, sinh năm 2011. Hiện tại chị H đang nuôi cháu N và anh Đ đang nuôi dạy cháu T.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025 chị H có thay đổi yêu cầu Đ nuôi dưỡng cháu N, đồng ý giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu N. Xét, việc thay đổi yêu cầu của chị H không vượt quá phạm vi khởi kiện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với anh Đ thì anh yêu cầu Đ nuôi hai đứa con chung và anh không yêu cầu cấp dưỡng.

Nhận thấy, hiện tại cháu N hiện đang do chị H nuôi dạy và cháu T hiện đang do anh Đ nuôi dạy từ tháng 12/2024 đến nay ổn định. Tại biên bản lời khai ngày 11/12/2024 tại Tòa án cháu N và cháu T đều có nguyện vọng Đ tiếp tục ở với mẹ. Mặc dù lời khai của cháu T có nguyện vọng ở với chị H. Tuy nhiên, để đảm bảo cho môi trường sống của cháu N và cháu T Đ ổn định thì giao cháu N cho chị H tiếp tục nuôi dạy, giao cháu T cho anh Đ tiếp tục nuôi dạy là phù hợp. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu N do chị H không yêu cầu. Đồng thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi cháu T do anh Đ không yêu cầu, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét chấp nhận.

Căn cứ Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai Đ quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch.

Anh Đ không phải chịu án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, **Điều 244**, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH

14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Xuân H.

Về hôn nhân: Chị Đào Thị Xuân H Đ ly hôn với anh Dương Ngọc Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2014, tại Ủy ban nhân dân xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp ngày 01/4/2014 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị H Đ tiếp tục nuôi dạy Dương Thị Bảo N, sinh năm 2016, anh Đ Đ tiếp tục nuôi dạy Dương Ngọc Bảo T, sinh năm 2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai Đ quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Chị Đào Thị Xuân H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng Đ khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0012886 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Anh Dương Ngọc Đ không phải chịu án phí hôn nhân

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án Đ giao hoặc Đ niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền